TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86 /2019/HC-PT
Ngày 25/6/2019
"Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thanh Long**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tào**

Ông **Trương Công Thi**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông **Phạm Minh Hoàng -** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 79/2019/TLPT-HC ngày 18/01/2019 về việc: *"Kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2018/HC-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk có kháng cáo của người khởi kiện – ông Nguyễn Tấn Đ.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 544/2019/QĐ-PT ngày 03/6/2019 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông **Nguyễn Tấn Đ**; sinh năm 1967; trú tại: Thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Trụ sở: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H – chức vụ: Chủ tịch. Vắng mặt.

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình C – chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng mặt. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND và Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk:* Ông Nguyễn Đức Đ – chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt. (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Công ty TNHH MTV C; Trụ sở: huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị T – chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vĩnh T – chức vụ: Trưởng phòng NN-KH-KD của công ty (Theo giấy ủy quyền số 06A/GUQ/ ngày 07/8/2018); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Năm 1985, tôi khai hoang thửa đất diện tích 1.980 m^2, tại thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Năm 1985-1986 trồng 260 cây cà phê, 10 cây muồng đen, 01 cây điều. Ngày 09/9/2014, tôi có làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GCNQSDĐ) nhưng UBND xã E không cấp quyền sử dụng đất cho tôi. Cùng ngày 09/9/2014, tôi có đơn khiếu nại gửi UBND xã E về hành vi không cấp GCNQSDĐ. Ngày 16/3/2015, Chủ tịch UBND xã E ban hành quyết định số 36/QĐ-UBND (viết tắt QĐ số 36) nội dung: *"Không chấp nhận việc ông Nguyễn Tấn Đ đề nghị cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.980 m^2 tại thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11 (viết tắt thửa đất số 143a), tại thôn 4, xã E, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk"*. Không đồng ý với QĐ số 36. Ngày 30/3/2015, tôi làm đơn khiếu nại QĐ số 36. Ngày 20/7/2015, Chủ tịch UBND huyện E ban hành Quyết định số 717/QĐ-UBND (viết tắt QĐ số 717) về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Đ với nội dung: *"Công nhận một phần nội dung Quyết định số 36/QĐ-UBND, ngày 16/3/2015 của Chủ tịch UBND xã E, không xem xét giải quyết cấp GCNQSDĐ thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, tại thôn 4, xã E, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk cho ông Nguyễn Tấn Đ vì nguồn gốc đất Nghĩa địa của Công ty C sử dụng và đã bàn giao về địa phương quản lý"*. Không đồng

ý với QĐ số 717. Ngày 18/4/2018, tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết:

Tuyên hủy QĐ số 717/QĐ-UBND; buộc UBND huyện E cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.980 m^2; trường hợp UBND huyện E thu hồi đất của tôi thì buộc phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường với số tiền 220.000.000 đồng (trong đó, gồm: Giá trị đất, công khai hoang đất, giá trị 260 cây cà cà phê, 10 cây muồng đen, 01 cây điều).

Tại biên bản làm việc ngày 25/9/2018, của TAND tỉnh Đắk Lắk (BL 117a) tôi thay đổi yêu cầu khởi kiện: Từ khởi kiện yêu cầu tuyên hủy QĐ số 717, yêu cầu hủy một phần QĐ số 717 đối với phần giải quyết đơn khiếu nại liên quan đến việc UBND huyện E không chấp nhận cấp GCNQSDĐ cho tôi.

Tại phiên tòa, tôi xin thay đổi nội dung đơn khởi kiện từ yêu cầu buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định lên phương án bồi thường số tiền 220.000.000 đ sang yêu cầu buộc UBND huyện E phải cấp cho tôi lô đất khác có diện tích và giá trị tương tương.

Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện ông Lê Đình C trình bày:

Ngày 16/9/2004, Công ty C (này là Công ty TNHH MTV C) lập biên bản bàn giao thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, đo năm 1999, diện tích 1.980 m^2 về cho địa phương quản lý.

Ngày 10/3/2008, ông Đ ký hợp đồng mượn thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, tại nghĩa trang thôn 4-C (nay là thôn 4), xã E với UBND xã E, mục đích chăm sóc, thu hoạch sản lượng cà phê hiện có trên đất. Hết thời hạn của hợp đồng, ngày 23/01/2014 ông Đ có đơn đề nghị bàn giao thửa đất số 143a, cùng ngày 23/01/2014, ông Đ và UBND xã E ký biên bản bàn giao thửa đất để UBND xã E quản lý, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương.

Thửa đất số 143a được UBND xã E quy hoạch làm Nghĩa địa theo Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) huyện E; Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 25/12/2009 của UBND huyện E về việc phê duyệt đồ án quy hoạch xây dựng điểm dân cư nông thôn của xã E, huyện E thì trong giai đoạn ngắn hạn từ (2010- 2015) sử dụng Nghĩa địa hiện có của các thôn, giai đoạn dài hạn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 178/QĐ-UBND ngày 14/03/2013, của UBND huyện E về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã E, huyện E giai đoạn 2011-2015 và định hướng đến năm 2020.

Ngày 09/09/2014, ông Đ có đơn xin cấp quyền sử dụng đất với diện tích đất 1.980 m^2, thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, đo năm 1999, tọa lạc tại thôn 4, xã E. Ông Đ cho rằng nguồn gốc thửa đất do gia đình ông Đ khai hoang năm 1985 và sử dụng ổn định cho đến nay có xác nhận của người liền kề và Ban tự quản thôn thời đó xác nhận nhưng UBND xã E không chấp nhận.

Ngày 09/09/2014, ông Đ có đơn khiếu nại UBND xã E về hành vi không cấp GCNQSDĐ cho ông Đ.

Ngày 16/03/2015, Chủ tịch UBND xã E ban hành QĐ số 36/QĐ-UBND nội dung: *"không chấp nhận việc ông Nguyễn Tấn Đ đề nghị cấp quyền sử dụng đất đối với diện tích 1.980 m^2 tại thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, tại thôn 4, xã E, huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk".*

Không đồng ý với nội dung giải quyết tại QĐ số 36, ông Đ làm đơn khiếu nại đề nghị UBND huyện E giải quyết.

Ngày 20/7/2015, Chủ tịch URND huyện E ban hành Quyết định số 717/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Đ với nội dung: *"Công nhận một phần nội dung Quyết định giải quyết số 36/QĐ-UBND ngày 16/03/2015, của Chủ tịch UBND xã E về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Đ thường trú thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể:*

Không xem xét giải quyết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, đo năm 1999, diện tích 1.980 m^2, vị trí thửa đất tại thôn 4, xã E, huyện E cho ông Nguyễn Tấn Đ vì nguồn gốc đất Nghĩa địa của Công ty C (nay là Công ty TNHH MTV C) sử dụng và đã được bàn giao về cho địa phương quản lý năm 2004.

Về tài sản gắn liền với đất: Không chấp nhận hỗ trợ, bồi thường đối với tài sản trên đất của ông Nguyễn Tấn Đ. Nhưng xét thấy hoàn cảnh của ông Đ, thống nhất cho ông Đ thu hoạch, không chặt bỏ cà phê 01 lần nhưng phải thực hiện đúng cam kết với UBND xã E khi chôn cất người chết đến đâu thì chặt đến đó để tránh lãng phí và đảm bảo việc chôn cất theo quy hoạch.

Giao UBND xã E khi hết hợp đồng kinh tế có trách nhiệm thanh lý hợp đồng với ông Đ; Thu hồi đất về để UBND xã quản lý theo quy hoạch đất Nghĩa địa".

Từ những căn cứ trên, nhận thấy việc ông Đ yêu cầu UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, đo năm 1999, diện tích 1.980 m^2, vị trí thửa đất tại thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; yêu cầu lên phương án bồi thường 220.000.000 đồng là không có cơ sở để

xem xét giải quyết. UBND huyện E không đồng ý với yêu cầu của ông Đ. Đề nghị TAND tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Đ và giữ nguyên nội dung Quyết định số 717/QĐ-UBND, ngày 20/7/2015, của UBND huyện E về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Đ.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Công ty TNHH MTV C, tại bản tự khai ngày 03/8/2018, đại diện theo ủy quyền ông Vĩnh Thuộc trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, đo năm 1999, diện tích 1.980 m^2 mà ông Đ yêu cầu UBND huyện E cấp GCNQSDĐ, trước đây thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Công ty C, thuộc Luận chứng kinh tế kỹ thuật Nông trường C năm 1993. Công ty sử dụng làm trại nuôi bò, năm 1985 Công ty chuyển đàn bò đi nơi khác để khỏi ảnh hưởng đến trồng trọt. Diện tích đất Nghĩa địa nguyên là đất trồng cà phê (trồng năm 1986) do tầng đất mỏng, mặt khác do nhu cầu đất để chôn cất nên Nông trường đã quy hoạch làm Nghĩa địa và giao cho Công đoàn Công ty quản lý. Năm 2003, Ban tự quản thôn 4 có tờ trình đề nghị Công ty bàn giao về địa phương quản lý, Công ty phối hợp với UBND xã E tiến hành làm thủ tục bàn giao vào ngày 16/9/2004 gồm các thửa đất số: 143a, 144, 157, 158, 163a thuộc tờ bản đồ số 11 đo năm 1999 với diện tích 18.260 m^2. Trong các thửa trên có thửa 143a có diện tích 1.980 m^2 gia đình ông Đ lấn chiếm trồng trọt khi Nghĩa địa chưa sử dụng đến. Sau khi bàn giao Công ty không có nhận đơn kiến nghị cũng như mọi thắc mắc của các bên, nhưng đến tháng 4 năm 2015 nhận được lời đề nghị của Phòng Tài nguyên và Môi trường yêu cầu cung cấp thông tin xác minh nguồn gốc các thửa đất. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Ngày 27/8/2018, ông Thuộc có đơn từ chối tham gia tố tụng.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 52/2018/HC-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2, 4 Điều 116; Điều 193; Điều 206; Điều 348 của Luật tố tụng Hành chính; Điều 100; Điều 101, Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 18 Luật khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thủ, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Đ về việc:

- Yêu cầu UBND huyện E cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11 diện tích 1.980 m^2, tọa lạc tại thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 717/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện E ban hành ngày 20/7/2015, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Đ thường trú thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Phải lên phương án bồi thường cho ông Đ một thửa đất khác có diện tích và giá trị tương đương.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, người khởi kiện – ông Nguyễn Tấn Đ kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2018/HC-ST ngày 20 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ, đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định.

Tại phiên tòa, người khởi kiện, không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo; các đương sự không hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án, yêu cầu Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm giải quyết.

[1]. Xét nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Tấn Đ yêu cầu UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.980 m^2; hủy một phần Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 20/7/2015.

Thì thấy:

[1.1]. Nguồn gốc thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, đo năm 1999, diện tích 1.980m^2, được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho Nông trường C (nay là Công ty TNHH MTV C) tại Luận chứng Kinh tế Kỹ thuật Nông trường C năm 1993, thuộc quyền sử dụng của Công ty C. Năm 1986, Công ty C sử dụng làm trại nuôi Bò, trồng cây Cà phê nhưng không hiệu quả, đồng thời, do nhu cầu chôn

cất nên Nông trường đã quy hoạch làm Nghĩa địa và giao cho Công đoàn của Công ty TNHH MTV C quản lý (gọi tắt là Công ty C).

Năm 2003, theo đề nghị của UBND xã E, huyện E nên ngày 16/9/2004 Công ty C và UBND xã E, huyện E đã lập Biên bản bàn giao các thửa đất số 143a, 144, 157,158, 163a thuộc tờ bản đồ số 11 đo năm 1999 với diện tích 18.260m^2 cho UBND xã E, huyện E quản lý theo quy hoạch sử dụng đất tại địa phương.

Trong các thửa trên, có thửa 143a có diện tích 1.980 m^2 gia đình Ông lấn chiếm đất của Công ty C để trồng cây Cà phê và các loại cây khác, khi công ty C bàn giao đất cho UBND xã E, huyện E ông Đ không khiếu nại và hiện thửa đất số 143a, được UBND xã E, huyện E quy hoạch làm Nghĩa địa theo Quyết định số 670/QĐ-UBND ngày 28/03/2014 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc Phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2011-2015) của huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện nay, thửa đất đang được sử dụng làm Nghĩa địa. Việc ông Nguyễn Tấn Đ tạo lập tài sản trên thửa đất là không hợp pháp. Sau khi Công ty C bàn giao cho UBND xã E, huyện E quản lý là thuộc quyền sử dụng của UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Tại Hợp đồng kinh tế số 01/HĐ- KT, ngày 10/3/2008 của UBND xã E với ông Nguyễn Tấn Đ, Ông ký kết thuê đất thửa số 143a tại Nghĩa trang thôn 4-C xã E, hết thời hạn thuê đất. Ngày 23/01/2014, Ông có Đơn xin bàn giao đất để bàn giao cho UBND xã E quản lý, sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch.

Như vậy, Ông cho rằng đất do Ông khai hoang năm 1986 và yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là chưa có căn cứ.

Hiện nay, thửa đất số 143a nằm trong Quy hoạch Nghĩa địa nên UBND huyện E, không cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông và ông yêu cầu hủy một phần Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện E, đều không có đủ căn cứ để chấp nhận.

[1.2]. Đối với yêu cầu UBND huyện E phải lên phương án bồi thường cho Ông một lô đất khác có giá trị và diện tích tương đương. Xét:

Quá trình giải quyết vụ án, Ông cho rằng trường hợp UBND huyện E không đồng ý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phải lên phương án bồi thường lô đất khác, thấy:

Tại Quyết định số 717/QĐ-UBND ngày 20/7/2015 của Chủ tịch UBND huyện E về việc giải quyết khiếu nại của Ông có nêu *"không chấp nhận, hỗ trợ bồi thường đối với tài sản trên đất của ông Nguyễn Tấn Đ. Nhưng xét thấy hoàn cảnh của ông Đ, thống nhất cho ông Đ thu hoạch, không chặt bỏ cà phê 1 lần*

nhưng phải thực hiện đúng cam kết với UBND xã E khi chôn cất người chết đến đâu thì chặt đến đó để tránh lãng phí và đảm bảo việc chôn cất theo quy hoạch”.

Do vậy, như phân tích ở trên và Quyết định 717/QĐ-UBND cũng đã nêu rõ. Nên yêu cầu khởi kiện của ông không được chấp nhận và phương án bồi thường cũng không đủ căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không xuất trình chứng cứ nào mới, khác so với án sơ thẩm. Nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên án sơ thẩm. Đề nghị này là có căn cứ, đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Tấn Đ. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 52/2018/HC-ST ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2, 4 Điều 116; Điều 193; Điều 206; Điều 348 của Luật tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 100; Điều 101 Điều 105 của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ- CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Điều 18 Luật khiếu nại;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn Đ về việc:

- Yêu cầu UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 143a, tờ bản đồ số 11, diện tích 1.980 m^2, tọa lạc tại thôn 4, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- Yêu cầu hủy một phần Quyết định số 717/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện E, tỉnh Đắk Lắk ban hành ngày 20/7/2015, về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Tấn Đ, thường trú tại thôn 4, xã E, huyện E,

tỉnh Đắk Lắk.

- Phải lên phương án bồi thường cho ông Đ một thửa đất khác có diện tích và giá trị trương đương.

2. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Tấn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0011464 ngày 07/12/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Tấn Đ đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 25/6/2019.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Long